

KẾ HOẠCH
**Chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và phát triển
nông thôn năm 2025.**

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được Công văn số 1971/STTTT-CNTT ngày 24/09/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2025 cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Phát triển Chính quyền số.

- 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;
- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ hàng năm đạt từ 95% trở lên; tối thiểu 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính của Sở Nông nghiệp và PTNT;
- Từ 90% trở lên hồ sơ công việc tại Sở được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);
- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, của Sở được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Tỉnh ủy và UBND tỉnh (*trừ văn bản mật*);
- 100% xử lý công việc trên hệ thống iDesk, thư điện tử công vụ;
- 100% văn bản phát hành đi được ký số theo Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;
- 100% sử dụng các phần mềm ứng dụng CNTT trong công tác quản lý cán bộ, nghiệp vụ kế toán, các nghiệp vụ khác (*nếu có*).

2. Phát triển kinh tế số.

- Tuyên truyền, quảng bá thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm OCOP của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, nền tảng mạng xã hội, Công/Trang thông tin điện tử của Sở và các đơn vị trực thuộc; khuyến khích các doanh nghiệp, bà con nông dân đưa các sản phẩm chủ lực, nông sản địa phương lên các gian hàng trên các sàn thương mại điện tử Postmart, Voso,... phấn đấu đến cuối năm đạt từ 90 % trở lên.

- Phát triển khoảng 5 Doanh nghiệp, HTX nông nghiệp, chủ trang trại (*lũy kế giai đoạn 2021 – 2025 là 20 đơn vị*) trong lĩnh vực nông nghiệp tiếp nhận chuyển giao ứng

dụng 1 phần công nghệ số (*hoặc toàn bộ nếu có*) trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế.

- Phân đầu tỷ trọng kinh tế số trong ngành nông nghiệp đạt 15%.
- Phân đầu năng suất lao động hàng năm tăng bình quân 7%.

3. Phát triển xã hội số.

- 100% công chức, viên chức, người lao động trực thuộc Sở, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn đơn vị quản lý biết và được hướng dẫn cài đặt các ứng dụng tiếp nhận phản ánh kiến nghị của tỉnh như: “Đắc Lắc Trực Tuyến”, “My Đắc Lắc”, và các tiện ích khác như “VneID”, “VSSID”.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền các khóa học đại trà mở trực tuyến miễn phí, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp, các Hợp tác xã, Trang trại, Tổ hợp tác, nông dân ứng dụng công nghệ số trong sản xuất nông nghiệp, trong quản trị sản xuất, quản lý doanh nghiệp.

- Tiếp tục nghiên cứu, phối hợp tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp có hoạt động thương mại điện tử, ứng dụng nông nghiệp thông minh.

II. NHIỆM VỤ THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền, chuyển đổi nhận thức

- Các đơn vị trực thuộc sở tổ chức chỉ đạo thực hiện và phổ biến, tuyên truyền sâu rộng về chuyển đổi số lĩnh vực nông nghiệp để nâng cao nhận thức của cán bộ công chức, viên chức, người lao động tại cơ quan mình và các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, người dân về việc áp dụng chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp. Phải xác định đây là nhiệm vụ chiến lược, trọng tâm và là một trong những đột phá chính giúp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ổn định đời sống, tăng thu nhập cho nông dân.

- Người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong đơn vị, lĩnh vực mình phụ trách. Gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với nhiệm vụ được giao phụ trách của đơn vị mình.

- Tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số ngành nông nghiệp quy mô cấp tỉnh nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số nông nghiệp. Phổ biến kiến thức chung về chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, giới thiệu và chia sẻ các bài học thành công khi chuyển đổi sang mô hình kinh tế số nông nghiệp trên thế giới và ở Việt Nam.

- Tổ chức các chương trình hợp tác, trao đổi với các doanh nghiệp về xu thế và tính tất yếu của chuyển đổi số nông nghiệp hiện nay trong doanh nghiệp nông nghiệp và ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất kinh doanh và sử dụng nguồn dữ liệu mở để khai thác các giá trị nhằm phát triển doanh nghiệp nông nghiệp trong thời đại số.

- Tổ chức các hoạt động tuyên dương, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện chuyển đổi số của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Ban biên tập Công thông tin điện tử của Sở và WebSite của các đơn vị: Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng tin, bài, chuyên đề đối với các mô hình chuyển đổi số trong nông nghiệp, qua đó để nâng cao nhận thức của người dân, doanh nghiệp ... trên địa bàn tỉnh và nhân rộng các mô hình chuyển đổi số có hiệu quả trong thực tế.

2. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế chính sách

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành các đề án, kế hoạch, chương trình hành động triển khai thực hiện chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với từng lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong quá trình chuyển đổi số nông nghiệp. Trong đó ưu tiên tham mưu xây dựng các cơ chế chính sách, kế hoạch cụ thể như: Chính sách hợp tác phát triển chuyển đổi số nông nghiệp, Chính sách thu hút, kêu gọi đầu tư vào lĩnh vực chuyển đổi số nông nghiệp của tỉnh, Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp chuyển đổi số nông nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, Chính sách phát triển thương mại điện tử,...

3. Phát triển hạ tầng số

- Rà soát, đầu tư thiết bị đảm bảo 100% công chức, viên chức tại Sở và các đơn vị trực thuộc được trang bị máy tính làm việc, máy in, máy quét, thiết bị số hóa công nghệ mới có kết nối internet cáp quang, mạng nội bộ đảm bảo giải quyết công việc được kịp thời và mang lại hiệu quả cao.

- 100% đơn vị trực thuộc được cấp chứng thư số.

- 100% cán bộ lãnh đạo quản lý được cấp chữ ký số.

- 100% công chức viên chức làm công tác hành chính được cấp chữ ký số.

4. Phát triển dữ liệu

- Nâng cấp và triển khai đồng bộ có hiệu quả Hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý ngành hàng thủy sản tỉnh Đắk Lắk và quản lý ngành hàng cà phê trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghiên cứu, đề xuất xây dựng hệ thống, phần mềm thu thập cơ sở dữ liệu của từng lĩnh vực chuyên sâu để làm cơ sở thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số nông nghiệp.

- 100% dữ liệu chính trong ngành nông nghiệp và Phát triển nông thôn được số hóa, cập nhập lên hệ thống của tỉnh và của Bộ Nông nghiệp và PTNT theo quy định.

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

- Tiếp tục đề xuất đầu tư nâng cấp hoàn thiện hệ thống mạng Wifi, mạng Internet đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

- Triển khai phần mềm quản lý văn bản điều hành (*IDESK*), hệ thống mail nội bộ (Biz mail), phần mềm một cửa điện tử, Cổng Thông tin điện tử đảm bảo hoạt động thông suốt và an toàn thông tin.

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các phần mềm trên các thiết bị di động.

6. Bảo đảm an toàn thông tin

- Tiếp tục quán triệt, chỉ đạo công tác đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng và đầu tư, nâng cấp thường xuyên các giải pháp bảo mật cho hệ thống bảo mật mạng đã trang bị, với 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Sở được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.

- 100% máy tính của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc được Sở cài đặt phần mềm chống mã độc theo Chi thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại.

- Duy trì các giải pháp đảm bảo an ninh mạng, an toàn thông tin theo cấp độ an toàn thông tin đã được phê duyệt của Sở và các đơn vị trực thuộc Sở.

- Xây dựng, ban hành, thường xuyên rà soát, cập nhật các kế hoạch, quy chế, quy định về bảo đảm an toàn thông tin trong hoạt động của cơ quan.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

- Giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

8. Phát triển nguồn nhân lực

- Tiếp tục phối hợp đề xuất tổ chức và phối hợp tổ chức bằng nhiều hình thức các khóa bồi dưỡng, nâng cao nhận thức cho lãnh đạo các đơn vị về chuyển đổi số nông nghiệp, kỹ năng lãnh đạo trong giai đoạn chuyển số, trên môi trường số; các khóa bồi dưỡng chuyên sâu về công nghệ mới, kiến thức chuyển đổi số nông nghiệp, phương thức xây dựng các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số nông nghiệp, đảm bảo an toàn thông tin cho cán bộ chuyên trách CNTT tại các đơn vị; tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng sử dụng, khai thác các hệ thống thông tin của tỉnh cho cán bộ, công chức, viên chức tại các đơn vị thuộc Sở. Tham gia chương trình đào tạo, tập huấn đội ngũ chuyên gia về chuyển đổi số do cấp trên tổ chức. Xây dựng kế hoạch, cử cán bộ tham gia đào tạo, đào tạo lại, bổ sung kiến thức theo hướng dẫn của cấp trên nhằm phục vụ tốt quản trị, vận hành, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của các thiết bị, phần mềm, CSDL tại đơn vị mình.

- Đẩy mạnh hỗ trợ hoạt động phổ biến kiến thức kinh doanh trên sàn thương mại điện tử.

- Xây dựng Quy hoạch, Kế hoạch tuyển dụng biên chế nguồn nhân lực của Sở và các đơn vị trực thuộc đảm bảo có đủ cán bộ có trình độ CNTT phục vụ chuyển đổi số nông nghiệp và xây dựng chính quyền số.

- Ưu tiên bố trí sắp xếp cán bộ chuyên trách CNTT trong định biên của đơn vị để đảm bảo triển khai các ứng dụng CNTT và thực thi nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan đạt hiệu quả.

III. NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRONG NĂM 2025.

- Gồm 09 nhiệm vụ ưu tiên: *Chi tiết tại phụ lục kèm theo.*

- Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Kế hoạch là: **31.820** triệu đồng (*Chi tiết kèm theo phụ lục*).

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Sở: Chỉ đạo, điều phối chung việc triển khai Kế hoạch Chuyển đổi số của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2025.

2. Phòng Kế hoạch Tài chính.

- Chủ trì phối hợp với Tổ giúp việc Ban chỉ đạo tham mưu Ban chỉ đạo triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ chuyển đổi số trọng điểm của ngành trong năm 2025.

- Phối hợp với Tổ giúp việc Ban chỉ đạo tham mưu cho Ban Chỉ đạo chuyển đổi số của Sở thực hiện kế hoạch và xây dựng giải pháp cụ thể để triển khai các nội dung Kế hoạch này; Theo dõi, đôn đốc thực hiện Kế hoạch và tổng hợp báo cáo định kỳ kịp thời theo quy định.

3. Văn phòng Sở.

- Tiếp tục tham mưu Sở ban hành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính; đặc biệt theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa hành chính, ứng dụng công nghệ số vào giải quyết hồ sơ, thủ tục để phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Thường xuyên hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị tổ chức tuyên truyền về chuyển đổi số nông nghiệp trên WebSite của các đơn vị trực thuộc.

4. Các đơn vị thuộc Sở.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và nội dung của Kế hoạch này chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết để triển khai nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này, trường hợp phát sinh khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện thì có văn bản báo cáo Sở để có chỉ đạo xử lý kịp thời.

- Định kỳ ngày 05 tháng 5 và ngày 05 tháng 10 hàng năm, tiến hành đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện về Sở (*qua Phòng Kế hoạch, Tài chính*) để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Đề nghị Sở Thông tin và Truyền Thông tổng hợp tham mưu UBND tỉnh theo quy định.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (bc);
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở TT&TT (để tổng hợp);
- Lãnh đạo Sở;
- I-Desk các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, (Luân 4b).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Minh Chí

PHỤ LỤC: DANH MỤC DỰ ÁN, KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN TRONG KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI SỐ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-SNN ngày / /2024 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

| TT | Nội dung/nhiệm vụ | Đơn vị Chủ trì | Đơn vị phối hợp | Dự án chuyển tiếp hay dự án mới | Thời gian thực hiện | Dự kiến Kinh phí thực hiện (Tr.đồng) (ngân sách nhà nước) | | | Vốn khác | Ghi chú |
|----|---|---|---|---------------------------------|-----------------------------------|---|---------------|------------|----------|---------|
| | | | | | | Tổng | Vốn Sự nghiệp | Vốn Đầu tư | | |
| 1 | Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp | Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở ngành, địa phương và các đơn vị liên quan. | Dự án chuyển tiếp | 2025 | 3.000 | 3.000 | | | |
| 2 | Triển khai thực hiện thực hiện Đề án mã số vùng trồng cho một số cây trồng chủ lực trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2030 | Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở ngành, địa phương và các đơn vị liên quan. | Dự án chuyển tiếp | 2025 | | | | | |
| 3 | Triển khai thực hiện Đề án về ứng dụng công nghệ cao trong công tác quản lý bảo vệ rừng, giám sát tài nguyên rừng tỉnh Đắk Lắk năm 2024 | Chi cục Kiểm lâm - Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở ngành, địa phương và các đơn vị liên quan. | Dự án chuyển tiếp | Năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 | 10.000 | | 10.000 | | |
| 4 | Xây dựng phần mềm ứng dụng trên điện thoại (Mobile App cho Android và IOS) để thu thập số liệu cập nhập Hệ thống CSDL quản lý ngành hàng thủy sản tỉnh Đắk Lắk và CSDL quốc gia về thủy sản | Chi cục Thủy sản - Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở ngành, địa phương và các đơn vị liên quan. | Dự án chuyển tiếp 2024 | 2025 | 500 | 500 | | | |

| TT | Nội dung/nhiệm vụ | Đơn vị Chủ trì | Đơn vị phối hợp | Dự án chuyên tiếp hay | Thời gian thực hiện | Dự kiến Kinh phí thực hiện (Tr.đồng) (ngân sách nhà nước) | | | Vốn khác | Ghi chú |
|----|--|--|--|------------------------|---------------------|---|-------|--|----------|---------|
| | | | | | | | | | | |
| 5 | Đề án thí điểm ứng dụng chuyển đổi số trong quản lý, kiểm tra, giám sát chất lượng, an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản. | Chi cục Quản lý chất lượng NLS&TS-Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở ngành, địa phương và các đơn vị liên quan | Dự án chuyên tiếp 2024 | 2025 | 1.000 | 1.000 | | | |
| 6 | Xây dựng Kế hoạch triển khai áp dụng Hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. | Chi cục Quản lý chất lượng NLS&TS-Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở ngành, địa phương và các đơn vị liên quan | Dự án chuyên tiếp 2024 | 2025 | 320 | 320 | | | |
| 7 | Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu về đập, hồ chứa thủy lợi trên địa bàn tỉnh. | Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở ngành và các đơn vị liên quan. | Dự án chuyên tiếp | 2025 | 4.500 | 4.500 | | | |
| 8 | Xây dựng hệ thống mô hình 3D nông nghiệp thực tế ảo - Quảng bá, xúc tiến đầu tư ngành Nông nghiệp tỉnh Đắk Lắk | Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở ngành và các đơn vị liên quan. | Dự án mới | 2025 | 2.500 | 2.500 | | | |

| TT | Nội dung/nhiệm vụ | Đơn vị Chủ trì | Đơn vị phối hợp | Dự án chuyên tiếp hay | Thời gian thực hiện | Dự kiến Kinh phí thực hiện (Tr.đồng) (ngân sách nhà nước) | | | Vốn khác | Ghi chú |
|------------------|---|---|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------|---|---------------|---------------|----------|---------|
| | | | | | | | | | | |
| 9 | Xây dựng hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu tập trung của ngành Nông nghiệp để kết nối với IOC của tỉnh, hình thành Nền tảng Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của ngành. | Phòng Kế hoạch Tài chính - Sở Nông nghiệp và PTNT | Các Sở ngành và các đơn vị liên quan. | Dự án mới | Năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 | 10.000 | 10.000 | | | |
| Tổng cộng | | | | | | 31.820 | 21.820 | 10.000 | | |